

名古屋市営バス 大森営業所 配置車両一覧 109両(ゆとりーとライン専用車を除く)																																		
局番	車台形式	購入年月	配置営業所																			局番	登録番号	車体	MT/AT	ISS	ABS	低公害	備考					
			H14.4	H15.3	H15.12	H16.4	H16.10	H17.1	H17.10	H18.1	H18.12	H19.12	H20.4	H20.12	H22.1	H22.4	H22.12	H23.3	H23.5	H24.3	H24.8									H25.3	H25.12	H26.4	H26.12	H27.4
NH-95	PJ-KV234N1	H19 1-3	新製																			大森	NH-95	1814	Jbus	AT	○							
NH-105	PJ-KV234N1	H19 1-3	新製																			大森	NH-105	1824	Jbus	AT	○							
NH-123	PJ-KV234N1	H19 1-3	新製																			大森	NH-123	1847	Jbus	AT	○							
NH-139	PJ-KV234N1	H19 1-3	新製																			大森	NH-139	1864	Jbus	AT	○							
NH-167	PJ-KV234N1	H19 1-3	新製																			野並	NH-167	1928	Jbus	AT	○							
NH-169	PJ-KV234N1	H19 1-3	新製																			大森	NH-169	1930	Jbus	AT	○							
NH-262	PKG-KV234N2	H22 1-3	新製																			大森	NH-262	2632	Jbus	MT	○							
NH-263	PKG-KV234N2	H22 1-3	新製																			大森	NH-263	2675	Jbus	MT	○							
NH-316	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製																			大森	NH-316	2850	Jbus	MT	○	○						
NH-317	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製																			大森	NH-317	2860	Jbus	MT	○	○						
NH-318	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製																			大森	NH-318	2861	Jbus	MT	○	○						
NH-319	LKG-KV234N3	H23 12-2	新製																			大森	NH-319	2884	Jbus	MT	○	○			貸切(H30~)			
NKH-9	PDG-KV234N2	H20 1-3	新製																			大森	NKH-9	2080	Jbus	AT	○				基幹2			
NKH-10	PDG-KV234N2	H20 1-3	新製																			大森	NKH-10	2081	Jbus	AT	○				基幹2			
NKH-11	PDG-KV234N2	H20 1-3	新製																			大森	NKH-11	2091	Jbus	AT	○				基幹2			
NKH-12	PDG-KV234N2	H20 1-3	新製																			大森	NKH-12	2092	Jbus	AT	○				基幹2			
NKH-13	PDG-KV234N2	H20 1-3	新製																			大森	NKH-13	2093	Jbus	AT	○				基幹2			
NKH-14	PDG-KV234N2	H20 1-3	新製																			大森	NKH-14	2094	Jbus	AT	○				基幹2			
NKH-15	PDG-KV234N2	H20 1-3	新製																			大森	NKH-15	2109	Jbus	AT	○				基幹2			
NKH-18	PDG-KV234N2	H20 1-3	新製																			浄心	NKH-18	2095	Jbus	AT	○				基幹2			
NKH-38	LKG-KV234N3	H23 2	新製																			大森	NKH-38	2902	Jbus	MT	○	○			基幹2			
NKH-39	LKG-KV234N3	H23 2	新製																			大森	NKH-39	2906	Jbus	MT	○	○			基幹2			
NKH-50	LKG-KV234N3	H23 2	新製																			大森	NKH-50	2910	Jbus	MT	○	○			基幹2			
NKH-51	LKG-KV234N3	H23 2	新製																			大森	NKH-51	2914	Jbus	MT	○	○			基幹2			
NKH-52	LKG-KV234N3	H23 2	新製																			大森	NKH-52	2920	Jbus	MT	○	○			基幹2			
NKH-53	LKG-KV234N3	H23 2	新製																			大森	NKH-53	2921	Jbus	MT	○	○			基幹2			
NKH-54	LKG-KV234N3	H23 2	新製																			大森	NKH-54	2923	Jbus	MT	○	○			基幹2			
NF-88	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製																			大森	NF-88	2403	MBM	MT	○							
NF-89	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製																			大森	NF-89	2404	MBM	MT	○							
NF-90	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製																			大森	NF-90	2430	MBM	MT	○							
NF-91	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製																			大森	NF-91	2431	MBM	MT	○							
NF-92	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製																			大森	NF-92	2452	MBM	MT	○							
NF-93	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製																			大森	NF-93	2453	MBM	MT	○							
NF-94	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製																			大森	NF-94	2469	MBM	MT	○							
NF-95	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製																			大森	NF-95	2470	MBM	MT	○							
NF-96	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製																			大森	NF-96	2479	MBM	MT	○							
NF-97	PKG-MP35UM改	H21 2-3	新製																			大森	NF-97	2480	MBM	MT	○							
NF-469	2PG-MP38FK	R5 1-3	新製																			大森	NF-469	4571	MBM	AT	○	○						
NF-470	2PG-MP38FK	R5 1-3	新製																			大森	NF-470	4581	MBM	AT	○	○						
NF-471	2PG-MP38FK	R5 1-3	新製																			大森	NF-471	4596	MBM	AT	○	○						
NF-472	2PG-MP38FK	R5 1-3	新製																			大森	NF-472	4608	MBM	AT	○	○						
NF-473	2PG-MP38FK	R5 1-3	新製																			大森	NF-473	4623	MBM	AT	○	○						
NF-566	2PG-MP38FK	R5 8-	新製																			大森	NF-566	4681	MBM	AT	○	○						
NF-567	2PG-MP38FK	R5 8-	新製																			大森	NF-567	4686	MBM	AT	○	○						

局番	車台形式	購入年月	配置営業所																								局番	登録番号	車体	MT/AT	ISS	ABS	低公害	備考	
			H14.4	H15.3	H15.12	H16.4	H16.10	H17.1	H17.10	H18.1	H18.12	H19.12	H20.4	H20.12	H22.1	H22.4	H22.12	H23.3	H23.5	H24.3	H24.8	H25.3	H25.12	H26.4	H26.12	H27.4									H28.4
NF-568	2PG-MP38FK	R5 8-	新製																								大森	NF-568	4702	MBM	AT	○	○		
NF-569	2PG-MP38FK	R5 8-	新製																								大森	NF-569	4710	MBM	AT	○	○		
NF-570	2PG-MP38FK	R5 8-	新製																								大森	NF-570	4737	MBM	AT	○	○		
NF-571	2PG-MP38FK	R5 8-	新製																								大森	NF-571	4741	MBM	AT	○	○		
NF-572	2PG-MP38FK	R5 8-	新製																								大森	NF-572	4760	MBM	AT	○	○		
NF-573	2PG-MP38FK	R5 8-	新製																								大森	NF-573	4765	MBM	AT	○	○		
NF-574	2PG-MP38FK	R5 8-	新製																								大森	NF-574	4771	MBM	AT	○	○		
NF-575	2PG-MP38FK	R5 8-	新製																								大森	NF-575	4794	MBM	AT	○	○		
NF-576	2PG-MP38FK	R5 8-	新製																								大森	NF-576	4803	MBM	AT	○	○		
NF-577	2PG-MP38FK	R5 8-	新製																								大森	NF-577	4815	MBM	AT	○	○		
NF-578	2PG-MP38FK	R5 8-	新製																								大森	NF-578	4820	MBM	AT	○	○		
NF-579	2PG-MP38FK	R5 8-	新製																								大森	NF-579	4830	MBM	AT	○	○		
NF-580	2PG-MP38FK	R5 8-	新製																								大森	NF-580	4840	MBM	AT	○	○		
NS-131	PDG-LV234N2	H20 1-3	新製												大森	NS-131	2129	Jbus	AT	○															
NS-132	PDG-LV234N2	H20 1-3	新製												大森	NS-132	2130	Jbus	AT	○															
NS-133	PDG-LV234N2	H20 1-3	新製												大森	NS-133	2145	Jbus	AT	○															
NS-134	PDG-LV234N2	H20 1-3	新製												大森	NS-134	2146	Jbus	AT	○															
NS-135	PDG-LV234N2	H20 1-3	新製												大森	NS-135	2173	Jbus	AT	○															
NS-181	PKG-LV234N2	H20 12	新製												緑	※大森	NS-181	2316	Jbus	MT	○		※大森移籍はR3年5月												
NS-182	PKG-LV234N2	H20 12	新製												緑	※大森	NS-182	2317	Jbus	MT	○		※大森移籍はR3年5月												
NS-204	PKG-LV234N2	H21 1-3	新製												大森	NS-204	2335	Jbus	MT	○															
NS-205	PKG-LV234N2	H21 1-3	新製												大森	NS-205	2336	Jbus	MT	○															
NS-206	PKG-LV234N2	H21 1-3	新製												大森	NS-206	2357	Jbus	MT	○															
NS-207	PKG-LV234N2	H21 1-3	新製												大森	NS-207	2358	Jbus	MT	○															
NS-208	PKG-LV234N2	H21 1-3	新製												大森	NS-208	2374	Jbus	MT	○															
NS-209	PKG-LV234N2	H21 1-3	新製												大森	NS-209	2375	Jbus	MT	○															
NS-210	PKG-LV234N2	H21 1-3	新製												大森	NS-210	2384	Jbus	MT	○															
NS-211	PKG-LV234N2	H21 1-3	新製												大森	NS-211	2385	Jbus	MT	○															
NS-212	PKG-LV234N2	H21 1-3	新製												大森	NS-212	2386	Jbus	MT	○															
NS-213	PKG-LV234N2	H21 1-3	新製												大森	NS-213	2387	Jbus	MT	○															
NS-289	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製												大森	NS-289	3026	Jbus	MT	○	○														
NS-290	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製												大森	NS-290	3036	Jbus	MT	○	○														
NS-291	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製												大森	NS-291	3051	Jbus	MT	○	○														
NS-292	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製												大森	NS-292	3052	Jbus	MT	○	○														
NS-293	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製												大森	NS-293	3063	Jbus	MT	○	○														
NS-294	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製												大森	NS-294	3064	Jbus	MT	○	○														
NS-295	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製												大森	NS-295	3077	Jbus	MT	○	○														
NS-325	QKG-LV290N1	H29 3	新製												大森	NS-325	3764	Jbus	AMT	○	○														
NS-402	2PG-LV290N2	H31 1-3	新製												大森	NS-402	4064	Jbus	AT	○	○														
NS-403	2PG-LV290N2	H31 1-3	新製												大森	NS-403	4076	Jbus	AT	○	○														
NS-404	2PG-LV290N2	H31 1-3	新製												大森	NS-404	4083	Jbus	AT	○	○														
NS-405	2PG-LV290N2	H31 1-3	新製												大森	NS-405	4097	Jbus	AT	○	○														
NS-406	2PG-LV290N2	H31 1-3	新製												大森	NS-406	4104	Jbus	AT	○	○														
NS-430	2RG-LV290N3	R4 2-3	新製												大森	NS-430	4453	Jbus	AT	○	○														
NS-431	2RG-LV290N3	R4 2-3	新製												大森	NS-431	4465	Jbus	AT	○	○														

局番	車台形式	購入年月	配置営業所																								局番	登録番号	車体	MT/AT	ISS	ABS	低公害	備考
			H14.4	H15.3	H15.12	H16.4	H16.10	H17.1	H17.10	H18.1	H18.12	H19.12	H20.4	H20.12	H22.1	H22.4	H22.12	H23.3	H23.5	H24.3	H24.8	H25.3	H25.12	H26.4	H26.12	H27.4								
NS-432	2RG-LV290N3	R4 2-3	新製																		大森	NS-432	4472	Jbus	AT	○	○							
NS-433	2RG-LV290N3	R4 2-3	新製																		大森	NS-433	4479	Jbus	AT	○	○							
NS-434	2RG-LV290N3	R4 2-3	新製																		大森	NS-434	4481	Jbus	AT	○	○							
NKS-8	PDG-LV234N2	H20 1-3	新製												大森												NKS-8	2119	Jbus	AT	○			基幹2
NKS-16	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製												大森												NKS-16	3025	Jbus	MT	○	○		基幹2
NKS-17	LKG-LV234N3	H24 1-3	新製												大森												NKS-17	3035	Jbus	MT	○	○		基幹2
NMS-108	2KG-LR290J3	H31 1-3	新製																		大森	NMS-108	4044	Jbus	AMT	○	○							
NMS-142	2KG-LR290J4	R1 12	新製																		大森	NMS-142	4195	Jbus	AMT	○	○							
NMS-143	2KG-LR290J4	R1 12	新製																		大森	NMS-143	4209	Jbus	AMT	○	○							
NMS-144	2KG-LR290J4	R2 1-2	新製																		大森	NMS-144	4214	Jbus	AMT	○	○							
NMS-145	2KG-LR290J4	R2 1-2	新製																		大森	NMS-145	4221	Jbus	AMT	○	○							
NMS-146	2KG-LR290J4	R2 1-2	新製																		大森	NMS-146	4229	Jbus	AMT	○	○							
NMS-147	2KG-LR290J4	R2 1-2	新製																		大森	NMS-147	4235	Jbus	AMT	○	○							
NMS-148	2KG-LR290J4	R2 1-2	新製																		大森	NMS-148	4238	Jbus	AMT	○	○							
NMS-149	2KG-LR290J4	R2 1-2	新製																		大森	NMS-149	4240	Jbus	AMT	○	○							
NMS-150	2KG-LR290J4	R2 1-2	新製																		大森	NMS-150	4241	Jbus	AMT	○	○							
NMS-151	2KG-LR290J4	R2 1-2	新製																		大森	NMS-151	4245	Jbus	AMT	○	○							
NMS-152	2KG-LR290J4	R2 1-2	新製																		大森	NMS-152	4247	Jbus	AMT	○	○							
NMS-153	2KG-LR290J4	R2 1-2	新製																		大森	NMS-153	4248	Jbus	AMT	○	○							
NMS-154	2KG-LR290J4	R2 1-2	新製																		大森	NMS-154	4254	Jbus	AMT	○	○							